

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính
bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và Nghị định số 207/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 592/TTr-SYT ngày 08 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành; 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc các Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (đ/c Hòa);
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

PHẦN I.**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CỦA NGÀNH Y TẾ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyền Quang)***A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em					
1	1.014527	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	10 ngày làm việc kể từ ngày được Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ và cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ đáp ứng đủ điều kiện sức khỏe để thực hiện việc mang thai hộ.	Nộp trực tiếp tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.	Theo quy định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.	- Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh						
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.	- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân) - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	- Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

*** Ghi chú:** Theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính:

1. Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026

- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên: 750.000.

- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động:

+ Bệnh viện: 5.250.000

- + Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000
- + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.150.000
- + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000.
- Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:
- + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000;
- + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.550.000; + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000. (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).

2. Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi

- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên: 1.500.000.
- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động:
- + Bệnh viện: 10.500.000
- + Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000
- + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000
- + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000.
- Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:
- + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000;
- + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000;
- + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000. (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em		
1	1.008681	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
2	1.008685	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	
3	1.003448	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	

PHẦN II.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC

1. TTHC áp dụng quy trình 10 ngày làm việc

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.014527	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

1.1. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Cơ sở khám chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	01 ngày làm việc	
Bước 2	Thụ lý hồ sơ, thẩm định, khám xét, sàng lọc...	Cơ sở khám chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	07 ngày làm việc	
Bước 3	Trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt, trả lời kết quả	Cơ sở khám chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	02 ngày	
Bước 5	Trả kết quả	Cơ sở khám chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Không quy định thời gian	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Cơ sở khám chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	01 ngày làm việc	

2. TTHC cấp tỉnh dụng quy trình 20 ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

2.1. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp	Đối với trường hợp nhận hồ sơ trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Công chức trực Bộ phận Một cửa cấp tỉnh,	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng Phòng Chuyên môn Sở Y tế	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
Bước 3	Thẩm định, Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
Bước 4	Trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	02 ngày	02 ngày	
Bước 5	Trả kết quả	CCVC Sở Y tế trực Bộ phận Một cửa	Không	Không	

3. TTHC cấp tỉnh dụng quy trình 60 ngày và 10 ngày làm việc

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

3.1. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp	Đối với trường hợp nhận	

				hồ sơ trực tuyến	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Công chức trực Bộ phận Một cửa cấp tỉnh,	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng Phòng Chuyên môn sở Y tế	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
Bước 3	Thẩm định, Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	55 ngày làm việc	55 ngày làm việc	
Bước 4	Trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở Y tế	02 ngày	02 ngày	
Bước 5	Trả kết quả	CCVC Sở Y tế trực Bộ phận Một cửa	Không	Không	